

Bản án số: 84/2020/HS-ST  
Ngày 30 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thanh Anh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

**Ông Huỳnh Tiến**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Ngọc Ngân**

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:*

**Bà Ngô Thị Thảo Nguyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Trần Thị N** (không có tên gọi khác), sinh ngày 30 tháng 10 năm 19 tại thành phố Huế. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: K572 Ô, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ. Con ông: Trần Đại C (chết) và bà Phạm Thị C (chết); Chồng: Trần Quốc T (chết); Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/3/2020 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). Có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Minh Đ** (không có tên gọi khác), sinh ngày 16 tháng 5 năm 19 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: K470/3 T, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam. Con ông: Nguyễn M (sinh năm 1950) và bà Huỳnh Thị N (sinh năm 1953); Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ 3;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/3/2020. Có mặt tại phiên tòa.

**3. Trần Duy V** (không có tên gọi khác), sinh ngày 04 tháng 01 năm 19 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: 46 P, phường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam. Con ông : Trần Văn H (sinh năm 1958) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1959); Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ 1.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/3/2020 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Văn P – Sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ 51 phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

2. Bà Dương Thị T– sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ 29 phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Viết H – Sinh năm: 1958. Địa chỉ: K285/59 L, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

4. Bà Trần Thị K – Sinh năm: 1989. Địa chỉ: K572 Ô, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 24/3/2020, tại ngã ba Ông Ích Khiêm - Đào Duy Từ, phường Hải Châu 2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Hải Châu phối hợp với Công an phường Hải Châu II, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang Lê Văn P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ của P:

- 01 gói giấy bạc màu vàng, kích thước 01cm x 01cm, bên trong có chứa 01 cục bột màu trắng. Niêm phong ký hiệu H.

- 01 ví da màu đà.

- Số tiền 3.700.000 đồng.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Future Neo, màu đỏ, BKS: 43S5 – 84.; số máy: JC35E-01271...

Qua điều tra: Lê Văn P khai nhận vào khoảng 11 giờ 35 phút ngày 24/3/2020 do nhu cầu sử dụng ma túy nên Phú đến nhà Trần Thị N số K572 Ô, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mua 01 gói ma túy với giá 700.000 đồng nhằm

mục đích sử dụng. P đã đem ma túy sử dụng 01 ít tại một quán nước ven đường gần siêu thị BigC, thành phố Đà Nẵng; số ma túy còn lại được cất vào trong ví thì bị lực lượng công an bắt quả tang như nêu trên.

Đến khoảng 13 giờ 15 phút ngày 24/3/2020, tại trước nhà số 105 Nguyễn Hoàng, phường Hải Châu 2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an quận Hải Châu phát hiện Nguyễn Minh Đ điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream, BKS: 43K8 – 40.. chờ sau Trần Duy V có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra, phát hiện tại vị trí nơi Nguyễn Minh Đ và Trần Duy V dừng xe có 01 gói giấy bạc màu xanh, bên trong có chứa chất bột màu trắng nên lập biên bản phạm tội quả tang.

- Vật chứng thu giữ:

Thu của Nguyễn Minh Đ:

+ 01 gói giấy bạc màu xanh, bên trong có chứa chất bột màu trắng. Niêm phong, ký hiệu K.

+ 01 xe mô tô có dòng chữ Dream, gắn BKS: 43K8 – 40..., số khung: LC150FM01675..., số máy: 000022...

+ 01 điện thoại di động có dòng chữ Nokia, màu đen, số Imei: 359212057640366, chứa sim số: 0903469....

- Thu của Trần Duy V:

+ 01 điện thoại di động có dòng chữ Nokia, màu đen, số Imei: 354478094047, chứa sim số: 0901941...

Nguyễn Minh Đ và Trần Duy V khai nhận: Vào khoảng 12 giờ ngày 24/3/2020 do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Đ và V đến nhà của Trần Thị N để mua 01 gói ma túy với giá 600.000 đồng (*trong đó, Đ góp 550.000 đồng và V góp 50.000 đồng*). Khi mua ma túy xong Đ chở V đi thì bị lực lượng Công an phát hiện do hoảng sợ nên Đ vứt gói ma túy xuống đất và bị bắt quả tang như trên.

\* Từ lời khai của Lê Văn P, Nguyễn Minh Đ và Trần Duy V, vào lúc 14 giờ 50 phút ngày 24/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị N phát hiện, thu giữ như sau:

- Tại tầng trệt: 30 vỏ bao ni lông nhiều kích thước, chưa qua sử dụng.

- Tại khu vực đường lòng: 01 bao ni lông bên trong có khoảng 20 vỏ giấy bạc; 01 cân tiểu ly màu đen (có bao da).

- Tại gác lửng: 02 ống thủy tinh; 02 tẩu thủy tinh; 01 cây gậy kim loại; 02 cây roi điện màu đen; 01 con dao kim loại.

\* Theo Kết luận giám định số: 104/GĐ-MT ngày 31/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận: Chất bột màu trắng trong

niêm phong gửi giám định là ma túy Heroin, khối lượng chất bột mẫu H: 0,047 gam; mẫu K: 0,231 gam.

Quá trình điều tra, Trần Thị N khai nhận đã thực hiện việc mua bán ma túy từ thời điểm tháng 01/2020 đến ngày bị bắt. Nguồn gốc ma túy N mua của 01 người thanh niên, vào 6 giờ sáng hằng ngày người thanh niên này đem 01 gói nilong bên trong có 05 gói giấy bạc chứa ma túy để trước cổng nhà N. Sau đó, N đem vào nhà cất giấu, khi nào có người mua đến gọi cửa thì lấy ma túy ra bán. N mua 500.000 đồng/01 gói bán lại từ 600.000 đồng đến 700.000 đồng/01 gói. Đến chiều tối hằng ngày sẽ gom các giấy bạc bỏ vào bao nilong cùng số tiền 2.500.000 đồng treo trước cổng để người thanh niên này đến lấy. Trong ngày 24/3/2020 đã bán ma túy cho 05 người cụ thể:

- Lần 01, 02, 03: Bán cho 03 người (*không rõ họ tên, địa chỉ*), với giá 650.000 đến 680.000 đồng.

- Lần thứ 04: Bán cho Lê Văn P 01 gói ma túy với giá 700.000 đồng.

- Lần thứ 05: Bán cho Nguyễn Minh Đ 01 gói ma túy với giá 600.000 đồng.

Quá trình mua bán ma túy N thu lợi khoảng 600.000 đồng.

\* Xử lý vật chứng:

- Chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu bảo quản chờ xử lý:

- + 0,112 gam mẫu K hoàn lại sau giám định.

- + 01 điện thoại có dòng chữ Nokia, màu đen, số Imei: 359212057640..., chứa sim số: 0903469...

- + 01 điện thoại có dòng chữ Nokia, màu đen, số Imei: 354478094047..., chứa sim số: 0901941...

- + 30 vỏ bao ni lông nhiều kích thước, chưa qua sử dụng; 01 bao ni lông bên trong có khoảng 20 vỏ giấy bạc.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 86/CT-VKSHC ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố các bị cáo:

- Trần Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Nguyễn Minh Đ, Trần Duy V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Minh Đ, Trần Duy V và đề nghị:

- Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 7 (Bảy) năm đến 8 (Tám) năm tù về tội

“Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ từ 15 (Mười lăm) tháng tù đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Duy V từ 15 (Mười lăm) tháng tù đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy: 0,112 gam mẫu K hoàn lại sau giám định ; 30 vỏ bao ni lông nhiều kích thước, chưa qua sử dụng; 01 bao ni lông bên trong có khoảng 20 vỏ giấy bạc.

+ Truy thu 600.000 đồng từ việc thu lợi bất chính của bị cáo Trần Thị N.

+ Đối với 2 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của 2 bị cáo Đ và V không phải là phương tiện phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại cho 2 bị cáo

+ Đối với xe mô tô hiệu Honda Future Neo, màu đỏ, BKS: 43S5 – 84..; số máy: JC35E-0127... do ông Nguyễn Viết H đứng tên chủ sở hữu. Ông H bán xe cho chị Dương Thị T. Phút mượn xe của chị T đi công việc. Chị T không biết P sử dụng xe vào việc mua ma túy sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu trả lại cho chị T là có căn cứ.

+ Đối với xe mô tô hiệu Honda Dream BKS 43K8- 40... số khung: LC150FM01675..., số máy: 00002... do ông Võ Văn S đứng tên chủ sở hữu. Nguyễn Minh Đ mượn xe của một nam thanh niên tên H (*chưa rõ họ tên, địa chỉ*). Qua xác minh ông S không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiếp tục tạm giữ điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

+ Đối với 01 cân tiểu ly màu đen (có bao da); 02 ống thủy tinh; 02 tẩu thủy tinh; 01 cây gậy kim loại; 02 cây roi điện màu đen; 01 con dao kim loại. Qua điều tra xác định của người tên V (*chưa rõ họ tên, địa chỉ*) bạn trai của Trần Thị Kiều T con gái của Trần Thị N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiếp tục tạm giữ điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Duy V khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố là đúng người, đúng tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quy trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Khoảng thời gian từ 12 giờ 00 phút đến 13 giờ 15 phút ngày 24/3/2020, tại nhà số K572 Ô, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Trần Thị N đã bán cho Lê Văn P 0,047gam ma túy heroin, bán cho Nguyễn Minh Đ 0,231gam ma túy heroin để sử dụng (*trong đó, Đ góp 550.000 đồng và Trần Duy V góp 50.000 đồng*). Ngoài ra, Trần Thị N còn bán ma túy cho 3 đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ. Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo thu lợi 600.000 đồng. Như vậy, Trần Thị N phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần (phạm tội 2 lần trở lên). Lời khai nhận tội của các bị cáo tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của người làm chứng, cùng các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Trần Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Trần Duy V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 68/CT-VKSHC ngày 14/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của vụ án thì thấy: Các bị cáo đều nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì ham muốn cá nhân, bị cáo Nhị thì muốn có lợi nhuận nhiều, các bị cáo Đ, V thì muốn có ma túy để sử dụng nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội; xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, xâm phạm đến sức khỏe con người và sự phát triển của đất nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xét xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Đối với 2 bị cáo Nguyễn Minh Đ và

Trần Duy V chung tiền mua heroin để sử dụng với giá 600.000đồng, trong đó Đ góp 550.000 đồng và V góp 50.000 đồng, bị cáo Đ là người trực tiếp vào mua ma túy, tàng trữ để Đ và V sử dụng chung, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần xét xử bị cáo Đ mức hình phạt nặng hơn bị cáo V.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Minh Đ, Trần Duy V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Ngoài ra đối với bị cáo N là người không biết chữ nên bị cáo cũng có phần nhận thức kém về xã hội, về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo N là có căn cứ.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thống nhất với Viện kiểm sát cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có việc làm và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không thỏa mãn các điều kiện để áp dụng cũng như thi hành hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng được xử lý như sau:

7.1. Đối với các vật chứng:

+ 0,112 gam mẫu K hoàn lại sau giám định.

+ 30 vỏ bao ni lông nhiều kích thước, chưa qua sử dụng; 01 bao ni lông bên trong có khoảng 20 vỏ giấy bạc.

là vật cấm tàng trữ, lưu hành, là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

7.2. Đối với các vật chứng:

+ 01 điện thoại có dòng chữ Nokia, màu đen, số Imei: 359212057640..., chứa sim số: 0903469... thu giữ của Nguyễn Minh Đ.

+ 01 điện thoại có dòng chữ Nokia, màu đen, số Imei: 354478094047..., chứa sim số: 09019412... thu giữ của Trần Duy V.

Xét thấy, đây là các phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Toàn bộ các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15 tháng 7 năm 2020.

7.3 Đối với 01 cân tiểu ly màu đen (có bao da); 02 ống thủy tinh; 02 tẩu thủy tinh; 01 cây gậy kim loại; 02 cây roi điện màu đen; 01 con dao kim loại. Qua điều tra xác định của người tên V (*chưa rõ họ tên, địa chỉ*) bạn trai của Trần Thị Kiều T con gái của Trần Thị N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiếp tục tạm giữ điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

7.4 Đối với: 01 ví da màu đà; số tiền 3.700.000 đồng là tài sản cá nhân của Lê Văn P nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho P tại Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 27/4/2020 là có căn cứ, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

7.5 Đối với xe mô tô hiệu Honda Future Neo, màu đỏ đen, BKS: 43S5 – 84...; số khung: 0370..., số máy: 01271.... Qua xác minh xe này do ông Nguyễn Viết H đứng tên chủ sở hữu. Ông H bán xe cho chị Dương Thị T, P mượn xe của chị T đi công việc. Chị t không biết P sử dụng xe vào việc mua ma túy sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho chị T tại Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 27/4/2020 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

7.6 Đối với xe mô tô hiệu Honda Dream BKS 43K8- 40... số khung: LC150FM01675..., số máy: 00002... do ông Võ Văn S đứng tên chủ sở hữu. Nguyễn Minh Đ mượn xe của một nam thanh niên tên H (*chưa rõ họ tên, địa chỉ*). Qua xác minh ông S không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiếp tục tạm giữ điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về phần dân sự: Truy thu số tiền 600.000đồng của bị cáo Trần Thị N do thu lợi bất chính.

[9] Đối với Lê Văn P có hành vi tàng trữ trái phép 0,047 gam ma túy Heroin chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Công an quận Hải Châu đã ra Quyết định xử phạt hành chính, đồng thời trả 01 ví da màu đà; số tiền 3.700.000 đồng là tài sản cá nhân của P tại biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 22/4/2020 là có căn cứ.

[10] Đối với những người thanh niên liên quan đến việc mua và bán ma túy của Trần Thị N, hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra



Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[13] Án phí:

- Án phí HSST các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: bị cáo Trần Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Trần Duy V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 7 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2020.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2020.

3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Duy V 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2020.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên:

- *Tịch thu tiêu hủy:*

+ 0,112 gam mẫu K hoàn lại sau giám định.

+ 30 vỏ bao ni lông nhiều kích thước, chưa qua sử dụng; 01 bao ni lông bên trong có khoảng 20 vỏ giấy bạc

- *Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh Đ:* 01 điện thoại di động có dòng chữ Nokia, màu đen, số Imei: 359212057640..., chứa sim số: 0903469....

- *Trả lại cho bị cáo Trần Duy Vũ:* 01 điện thoại di động có dòng chữ Nokia, màu đen, số Imei: 354478094047..., chứa sim số: 0901941....

Toàn bộ các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15 tháng 07 năm 2020.

5. Về phần dân sự: Truy thu số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) của Trần Thị N do thu lợi bất chính.

6. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Minh Đ, Trần Duy V mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)

7. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Q.Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an Q. Hải Châu;
- Chi cục THA DS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Anh**